

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 08/2026/L-CTN ngày 26/4/2026; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng pháp luật nhằm “*nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước*”. Đồng thời, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp; xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia pháp lý nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ nghiên cứu, tư vấn các vấn đề mới trong phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới chỉ rõ yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm từ xa. Nghị quyết cũng đề ra các nhiệm vụ về hội nhập trên nhiều lĩnh vực khác nhau như thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng

¹ Theo Tờ trình số 66/TTr-CP ngày 06/3/2026 của Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, khoa học công nghệ số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, hydrogen, giảm phát thải các-bon, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, không gian vũ trụ, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác. Nghị quyết đặt ra nhiệm vụ tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng, thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xác định nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu *“tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nhất là: Hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; ... tư pháp, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đối ngoại và hội nhập quốc tế.”*

- Thể chế hóa quan điểm *“thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương; giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm”*; *“đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương”* tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại đã quy định về phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam ở nước ngoài tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2017.

- Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ quy định:

“1. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: “Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”.

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam nêu rõ nhiệm vụ “Phát huy vai trò cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong quảng bá nền văn hoá dân tộc”.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 26/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu nhiệm vụ “Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.”

- Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới” xác định rõ nhiệm vụ “Chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển quan hệ đối tác đối ngoại nhân dân, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả trong các lĩnh vực”.

- Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế đặt ra

nhiệm vụ “*thúc đẩy các đối tác thực hiện đầy đủ, thiện chí và hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó củng cố quan hệ hợp tác*”.

- Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ các nhiệm vụ: *Phát triển hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; Triển khai cơ chế điều chuyển biên chế linh hoạt giữa các cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, theo hướng dành ưu tiên biên chế cho cán bộ đối ngoại, tăng cường thuê nhân viên lao động sở tại, phát huy nguồn lực của đội ngũ phu nhân/phu quân ngoại giao trên cơ sở bảo đảm an ninh chính trị nội bộ và bảo vệ bí mật nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác, tiết kiệm ngân sách; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của các bộ, cơ quan ở trung ương và địa phương đủ năng lực, điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong môi trường quốc tế; Nghiên cứu đề xuất xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế đặc thù về tài chính, tài sản, đầu tư công bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho ngành Ngoại giao thực hiện hiệu quả, thắng lợi các nhiệm vụ đối ngoại, đặc biệt là ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngân sách cho một số hoạt động đối ngoại đặc thù tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đồng bộ, hiện đại, tương xứng với thế và lực của đất nước. Nghiên cứu, kiến nghị cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành về mua sở hữu, bán bất động sản, xây mới trụ sở cơ quan đại diện phù hợp với tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao; Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu; đề xuất cải thiện chế độ tiền lương, sinh hoạt phí và chính sách đãi ngộ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành Ngoại giao; Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về định hướng sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quản lý tập trung, thống nhất cơ quan đại diện và hoạt động đối ngoại, tăng thời gian nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác tại địa bàn.*

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 nêu rõ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026 và dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

- Một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành có quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện như Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023 và năm 2025),

Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019 và 2023), Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*sau đây gọi tắt là “Luật CQĐD”*) được Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2009, có hiệu lực từ ngày 02/9/2009, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Luật CQĐD ra đời đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức bộ máy và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các CQĐD (bao gồm Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán và Phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ). Luật là cơ sở để thực hiện thống nhất quản lý đối ngoại, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Việt Nam tại quốc gia, tổ chức tiếp nhận, phát huy tối đa nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Kể từ sau khi Luật CQĐD và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD có hiệu lực đến nay, Bộ Ngoại giao đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết thành lập 08 CQĐD tại nước ngoài². Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, trên cơ sở rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động của các CQĐD cũng như yêu cầu đối ngoại của đất nước, Bộ Ngoại giao đã trình và được Chính phủ đồng ý chấm dứt hoạt động của 04 CQĐD tại Li-bi, I-rắc, U-dơ-bê-kít-xtan và Pa-na-ma. Việc thành lập và chấm dứt hoạt động của các CQĐD nêu trên đều được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền của cấp ra quyết định quy định tại Luật CQĐD, bảo đảm hiệu lực pháp lý.

Tính đến tháng 10/2025, mạng lưới CQĐD được thành lập và duy trì tại 71 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm 99 CQĐD (trong đó có 70 Đại sứ quán, 24 Tổng Lãnh sự quán, 4 Phái đoàn đại diện thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế và 01 Văn phòng) với tổng số 1.068 chỉ tiêu biên chế được giao (không bao gồm biên chế công an, quốc phòng).

Nhìn chung, hệ thống CQĐD được xây dựng và phân bố đều khắp tại các khu vực trên thế giới, phù hợp với tầm quan trọng và mức độ hợp tác trên các lĩnh vực với quốc gia, tổ chức quốc tế³. Tại các quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao nhưng chưa thành lập CQĐD, Bộ Ngoại giao kiến nghị Chính phủ cho phép

² Đại sứ quán Việt Nam tại Ai-len, Đại sứ quán Việt Nam tại Bồ Đào Nha, Đại sứ quán Việt Nam tại Ti-mo Lét-xte, Đại sứ quán Việt Nam tại Xri Lan-ca, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Bu-san (Hàn Quốc), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Pốt (Ô-xtrây-li-a), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Trùng Khánh (Trung Quốc), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Van-cu-vơ (Ca-na-đa).

³ Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: 42 CQĐD, khu vực Châu Âu: 30 CQĐD, khu vực Trung Đông - Châu Phi: 15 CQĐD, khu vực Châu Mỹ: 12 CQĐD.

thực hiện cơ chế CQĐD kiêm nhiệm tại các quốc gia khác nhằm bảo đảm duy trì và phát triển quan hệ với các nước, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục, văn hoá - thể thao - du lịch, yêu cầu bảo hộ công dân, pháp nhân của Việt Nam tại các quốc gia này.

Bên cạnh các CQĐD, nhiều địa bàn có đại diện của các cơ quan Việt Nam khác như các cơ quan thông tấn báo chí Việt Nam ở nước ngoài (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Thanh niên...), Văn phòng Đại diện hàng không Việt Nam, một số văn phòng đại diện của các bộ ngành ở nước ngoài có kinh phí và trụ sở riêng.

Trên cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật, các CQĐD đã phát huy hiệu quả vai trò của mình trên tất cả các lĩnh vực được giao, cụ thể:

Về thúc đẩy quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, CQĐD đã phát huy tinh thần “bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa”, nắm bắt nhanh, cơ bản đánh giá đúng, báo cáo kịp thời những diễn biến mới của tình hình quốc tế; tham mưu và trực tiếp triển khai các biện pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo bước chuyển tích cực trong quan hệ với nhiều đối tác, nhất là các đối tác chủ chốt; góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến biên giới, lãnh thổ; qua đó góp phần tích cực trong việc tạo dựng và duy trì cục diện đối ngoại rộng mở, thuận lợi cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Về thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, CQĐD đã góp phần tích cực thúc đẩy, làm sâu sắc hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư với các đối tác, thu hút hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, đóng góp vào các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội ấn tượng và duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam ngay cả trong những thời điểm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn.

Về đẩy mạnh quan hệ văn hóa, CQĐD đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt các đề án lớn, chiến lược quốc gia trong lĩnh vực văn hóa⁴, qua đó thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và đối tác; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các quốc gia và nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Về thống nhất quản lý đối ngoại, CQĐD bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện cơ quan, tổ chức Việt Nam tại các quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thống nhất quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; tổng kết, đánh giá hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; kiến nghị biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt

⁴ Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài”, Chiến lược phát triển văn hóa, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, Chiến lược văn hóa đối ngoại, Chiến lược Ngoại giao văn hóa, Chiến lược thông tin đối ngoại...

Nam được thực hiện thống nhất ở nước ngoài. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, phối hợp của CQĐD với các cơ quan Việt Nam khác trên cùng địa bàn cũng được thực hiện nghiêm túc theo tinh thần của Luật CQĐD.

Về thực hiện nhiệm vụ lãnh sự, Luật CQĐD đã kế thừa những nội dung và giá trị cốt lõi của Pháp lệnh lãnh sự ngày 13/11/1990, nội luật hóa các quy định của Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự. Trong quá trình triển khai Luật, các CQĐD thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ lãnh sự. Công tác lãnh sự tại các CQĐD thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng thể hiện tinh thần và nỗ lực đổi mới, cải thiện chất lượng công tác lãnh sự của các CQĐD, trong đó có việc kiện toàn tổ chức, nhân sự liên quan đến công tác lãnh sự, đề cao tinh thần phục vụ người dân, nâng cao chất lượng phục vụ.

Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) được các CQĐD triển khai toàn diện, hiệu quả tạo nhiều chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trên mọi mặt theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới và đạt được nhiều kết quả, góp phần xây dựng cộng đồng NVNONN đoàn kết, vững mạnh, hội nhập vào xã hội sở tại, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa NVNONN với quê hương, đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về quản lý cơ sở vật chất của CQĐD, Bộ Ngoại giao và các CQĐD tổ chức, thực hiện việc quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất, cơ sở vật chất theo đúng quy định tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP. Việc sắp xếp, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới trụ sở, nhà ở của CQĐD tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đấu thầu có liên quan tại từng thời kỳ, thực hiện theo thứ tự ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia tiếp nhận, pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Luật CQĐD cũng bộc lộ một số khó khăn, bất cập như sau:

Thứ nhất, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của CQĐD:

- Về chức năng, nhiệm vụ của CQĐD, như đã nêu trên, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của hội nhập quốc tế, trong

đó chú trọng đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thông tin truyền thông, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu. Luật hiện hành tập trung các nội dung hợp tác truyền thống (chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục - đào tạo, du lịch), chưa điều chỉnh theo tình hình quốc tế đối với các vấn đề của thời đại. Trên thực tế, các CQĐD đóng vai trò là đầu mối kết nối và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động về xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối doanh nghiệp, chuyển đổi số và thử nghiệm các sáng kiến đổi mới sáng tạo... Đồng thời, do Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế đặt ra nhiệm vụ *“thúc đẩy các đối tác thực hiện đầy đủ, thiện chí và hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó củng cố quan hệ hợp tác”*, các CQĐD cũng cần góp phần thực hiện nhiệm vụ này. Do đó, cần cập nhật những chức năng, nhiệm vụ mới cho CQĐD.

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Cơ chế phối hợp công tác giữa CQĐD và các bộ, ngành, địa phương còn tình trạng chưa thông suốt, thiếu chủ động và còn phụ thuộc do Luật chưa quy định rõ mối quan hệ giữa các Bộ, ngành, địa phương với CQĐD. Luật CQĐD quy định các cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của CQĐD (Điều 33). Thực tế có trường hợp các bộ chuyên ngành đề nghị Đại sứ thay mặt tham dự các hoạt động của tổ chức quốc tế trong lĩnh vực chuyên ngành mà Bộ đó phụ trách. Luật không quy định bộ chuyên ngành có thể trực tiếp đề nghị CQĐD dự thay hay phải thông qua Bộ Ngoại giao chỉ đạo CQĐD dẫn đến thực tiễn triển khai không thống nhất. Thực tế vẫn xảy ra trường hợp các đoàn công tác trong nước không thông báo cho CQĐD khi đến địa bàn; yêu cầu phối hợp thu xếp đoàn đến sở tại gấp, thu xếp hoạt động không thông qua đầu mối chính thức (doanh nghiệp sở tại, công ty du lịch), chỉ đề nghị CQĐD hỗ trợ khi không bố trí được làm việc với chính quyền sở tại, thời gian phối hợp giải quyết công việc, xác minh thông tin vượt quá quy định ... gây khó khăn cho xử lý công việc và phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại của CQĐD. (ii) Cơ chế phối hợp giữa các CQĐD trên cùng một địa bàn chưa rõ ràng dẫn đến nguy cơ chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ. (iii) Chưa có quy định về cơ chế phối hợp, thông tin, báo cáo giữa Trưởng CQĐD và người đứng đầu các cơ quan Việt Nam khác tại nước ngoài.

- Luật hiện hành chưa có quy định về ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của CQĐD nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính. Hiện chưa có hệ thống dữ liệu dùng chung giữa Bộ Ngoại

giao, các bộ, ngành, địa phương và CQDD.

- Thời gian qua có một số CQDD phát sinh nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, Luật CQDD và Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 không quy định việc ký thỏa thuận hợp tác của CQDD. CQDD khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình được tiếp xúc, trao đổi và có thể ký kết các văn bản hợp tác đơn giản, không mang tính ràng buộc nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn phụ trách, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trên thực tế, các CQDD nước ngoài tại Việt Nam đã ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan, địa phương Việt Nam⁵. Các thỏa thuận hợp tác này nhìn chung đều được thực hiện thực chất, có tính thực tiễn cao và mang lại hiệu quả.

- Khoản 1 Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước quy định: *“Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh”*. Các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoạt động ở nước ngoài, sử dụng chủ yếu đồng tiền nước sở tại (đồng địa phương) hoặc đồng đô-la Mỹ để chi tiêu. Đồng thời, các văn bản chế độ liên quan đến Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài như: (i) Nghị định số 08/2019/NĐ-CP và Nghị định số 51/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định *chế độ, chính sách đối với thành viên Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được chi trả bằng đô la Mỹ*; (ii) Nghị định 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định *định mức mua sắm, trang bị bằng đồng đô-la Mỹ*; (iii) Thông tư 264/2016/TT-BTC và Thông tư 113/2021/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cũng xây dựng *định mức thu phí, lệ phí bằng đồng tiền đô-la Mỹ*. Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có các quy định riêng về sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán; đồng tiền hạch toán, sử dụng tỷ giá trong pháp luật về kế toán chưa tính đến đặc thù hoạt động của CQDD.

Thứ hai, liên quan đến công tác lãnh sự:

- Về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh sự danh dự (LSDD) Việt Nam ở nước ngoài: Trước khi Luật CQDD được ban hành, hoạt động của LSDD Việt Nam ở nước ngoài được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990. Theo khoản 3 Điều 15 Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã ký Quyết

⁵ Ví dụ như: Kế hoạch hợp tác năm 2025 – 2026 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam ký ngày 26/5/2025, Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Đại sứ quán Ấn Độ về việc Ấn Độ tài trợ thực hiện dự án hiệu quả nhanh tại tỉnh Quảng Trị ký ngày 25/8/2020; Thỏa thuận hợp tác giữa Thành phố Đà Nẵng và Đại sứ quán Ai-xơ-len tại Hà Nội ký ngày 03/3/2017.

định số 06/NG-QĐ ban hành Quy chế về LSDD Việt Nam năm 1994, trong đó quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

Năm 2009, Luật CQĐD được ban hành, thay thế Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, trong đó quy định “thủ tục bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của LSDD Việt Nam được thực hiện theo quy định liên quan” (Khoản 2 Điều 28) và quy định trách nhiệm bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với LSDD của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Khoản 7 Điều 32). Tuy nhiên, Luật không quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đối với việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

- Luật CQĐD chưa có quy định về việc cơ quan nào có thẩm quyền quyết định xác lập/mở rộng/thu hẹp khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện Lãnh sự. Thời gian vừa qua, khi xử lý thành lập cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại Busan, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết để điều chỉnh khu vực lãnh sự.

- Theo quy định của Nghị định số 96/2021/NĐ-CP về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang, Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao được giao là đơn vị thực hiện việc xin phép bay của nước ngoài qua đường ngoại giao đối với chuyến bay chuyên cơ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc triển khai xin phép bay đều phải thực hiện thông qua công tác phối hợp với các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài; Cục Lãnh sự thường không trực tiếp đề nghị cơ quan chức năng của nước ngoài cấp phép bay cho chuyên cơ của Việt Nam.

Thứ ba, liên quan đến chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân, tuy đã được cải thiện song chế độ đãi ngộ, phụ cấp dành cho thành viên CQĐD còn thấp so với mặt bằng chung, chưa đáp ứng được mức sinh hoạt tại sở tại, đặc biệt là tại các địa bàn có chi phí sinh hoạt, chỉ số tiêu dùng, mức độ lạm phát cao. Mức hỗ trợ học phí, bảo hiểm hiện tại tuy đã được cải thiện song vẫn còn ở mức rất thấp so với thực tế tại nhiều địa bàn. Mức bảo hiểm y tế được Nhà nước hỗ trợ hiện ở mức rất thấp so với mặt bằng chung tại nhiều nước nên bị hạn chế về loại bệnh và dịch vụ, tạo gánh nặng và áp lực tài chính cho cán bộ, nhân viên và người thân khi công tác tại địa bàn. Đối với con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD, mức hỗ trợ học phí hiện tại chưa tương xứng với mặt bằng chung tại đa số các địa bàn, đặc biệt ở các nước phát triển hoặc địa bàn tiếng hiếm, trẻ em phải chuyển sang học trường quốc tế/tư thục để được học ngoại ngữ thông dụng với mức chi phí cao. Con chưa thành niên là đối tượng phụ thuộc, phần lớn phải đi theo bố mẹ đi công tác nhiệm kỳ. Mặc dù chế độ học phí, bảo hiểm đối với con chưa thành niên đã được cải thiện nhưng việc trang trải tiền vé máy bay, cân cước nhiệm kỳ cho con chưa thành niên phần nào tạo áp lực tài chính đối với thành viên CQĐD.

Ngoài ra, một số địa bàn tại Châu Phi có diễn biến tình hình dịch bệnh

ng nghiêm trọng, năng lực y tế tại sở tại không đáp ứng nên việc chữa bệnh gặp nhiều khó khăn và rất tốn kém; nhiều trường hợp phải về nước hoặc sang nước thứ ba chữa bệnh; một số địa bàn quy mô CQĐD nhỏ, biên chế mỏng nhưng kiêm nhiệm nhiều địa bàn. Tuy nhiên, chưa có chế độ đặc thù đối với thành viên CQĐD tại các địa bàn này.

Thứ tư, một số quy định tại Luật hiện hành chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành, ví dụ khoản 4 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp giấy thông hành và các giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023 hiện quy định về việc cấp giấy thông hành tại CQĐD đã bị bãi bỏ và thay thế bằng việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn. Khoản 5 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, hủy bỏ thị thực và giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023 không còn quy định về “bổ sung thị thực”.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD là cần thiết nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật và thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước nêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

1. Mục đích

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của CQĐD *đáp ứng các yêu cầu mới của tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, tăng cường tính chuyên nghiệp trong hoạt động của cơ quan đại diện, đáp ứng yêu cầu về chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần xây dựng nền ngoại giao hiện đại, thể hiện vị trí của công tác đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.*

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đối ngoại, đặc biệt là chủ trương hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; về nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Đồng thời, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tại 07 Nghị quyết được ban hành trong thời gian gần đây - tiền đề, cơ sở chính trị, pháp lý đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước trong giai đoạn mới với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số và thực hiện thành công hai mục tiêu 100 năm.

b) Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các quy định pháp luật liên quan.

c) Tăng cường cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại theo tinh thần các Nghị quyết, Kết luận của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; đơn giản hóa trình tự, thủ tục theo thực tế, bảo đảm tính hợp lý, khả thi, linh hoạt, chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

d) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Nghiên cứu kế thừa các quy định còn phù hợp và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật CQDD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

e) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 08/2026/QH16 (Luật số 08/2026/QH16) được Quốc hội khóa XVI thông qua ngày 23/4/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 (viết tắt là *Luật năm 2026*). Bố cục của Luật bao gồm **02 Điều chính**, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQDD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm 15 khoản.

Điều 2. Điều khoản thi hành, gồm 02 khoản: khoản 1 quy định về ngày hiệu lực và khoản 2 quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15).

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại của CQĐD

- Mở rộng phạm vi chức năng, nhiệm vụ của CQĐD đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: Luật bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các CQĐD bao gồm công tác đối ngoại và các lĩnh vực hợp tác mới chưa được thể chế hóa trong Luật, công tác xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận, thúc đẩy giao lưu nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; bổ sung nhiệm vụ của CQĐD trong việc dự báo để ứng phó với tình hình thực tế, các chính sách kinh tế thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam; vận động các quốc gia và tổ chức quốc tế ghi danh, công nhận di sản văn hóa; làm rõ hơn chức năng bảo hộ công dân và cơ chế ứng phó rong tình huống khẩn cấp (quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế: Đại biện, Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng, và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định (quy định tại khoản 9 Điều 1).

- Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, chỉnh sửa chức năng của CQĐD theo hướng khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt (quy định tại khoản 3 Điều 1).

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ chế phối hợp công tác giữa các cơ quan này và CQĐD; (ii) Bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác của các cơ quan bên cạnh CQĐD, các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc CQĐD về các lĩnh vực phụ trách (quy định tại các khoản 4, 13 và 14 Điều 1).

- Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của CQĐD: (i) bổ sung chức năng phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước của CQĐD; (ii) bổ sung quy định CQĐD tham gia, triển khai chuyển đổi số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với

pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện quốc gia tiếp nhận; (iii) bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQĐD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐD và quản lý, vận hành CQĐD theo quy định của pháp luật (quy định tại khoản 1, khoản 5 và điểm b khoản 10 Điều 1).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh phí của CQĐD: (i) Bổ sung quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán tại các CQĐD được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng địa phương quy đổi ra đồng Việt Nam; (ii) Sửa đổi quy định về kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại; (iii) Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước (quy định tại khoản 7 Điều 1).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo hướng mở rộng đối tượng được bổ nhiệm, theo đó cần có đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ; đồng thời bổ sung tiêu chuẩn có năng lực tổ chức thực hiện chuyển đổi số (quy định tại khoản 8 Điều 1).

2. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong công tác quản lý CQĐD

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc: (i) quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, thời hạn kéo dài nhiệm kỳ tối đa không quá 36 tháng; (ii) Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện theo quy định; (iii) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài; (iv) ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện; (v) Quy định việc thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh dự (quy định tại khoản 12 Điều 1).

- Bổ sung, làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD, theo đó, căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các CQĐD, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. Đồng thời, bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện được thực hiện căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn công tác và bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện (quy định tại khoản 6 Điều 1).

- Bổ sung quy định thẩm quyền của CQĐD trong việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1).

3. Chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân

- Bổ sung chế độ trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện; thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với một số địa bàn kiêm nhiệm (quy định tại điểm a và điểm b khoản 11 Điều 1).

- Cho phép con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD được hưởng chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên CQĐD và trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. Cho phép con đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ học phí hàng tháng tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở cho đến hết bậc trung học phổ thông tại quốc gia tiếp nhận (quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1).

4. Một số nội dung khác nhằm khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành và một số nội dung cần quy định rõ hơn tại Luật

- Bỏ quy định về việc cấp giấy thông hành của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023; bỏ quy định về việc bổ sung thị thực của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại

Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023; thay cụm từ “ủy thác tư pháp” bằng quy định “Thực hiện một số nhiệm vụ về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” (quy định tại khoản 2 Điều 1).

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến Lãnh sự danh dự Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu tại Luật hiện hành để tránh việc hiểu nhầm Lãnh sự danh dự là thành viên CQĐD và được hưởng các quyền, nghĩa vụ như thành viên CQĐD (quy định tại khoản 15 Điều 1).

- Bỏ từ “thanh tra” trong “thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và ... theo quy định của pháp luật” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP (quy định tại điểm e khoản 12 Điều 1).

5. Về điều khoản thi hành Điều 2 Luật quy định về ngày có hiệu lực của Luật và quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15) theo hướng bổ sung thêm đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao là người giữ chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật CQĐD do Luật đã sửa đổi Điều 18 Luật CQĐD hiện hành theo hướng bổ sung quy định về chức vụ ngoại giao đặc thù.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**NGƯỜI SỬA CHỮA,
BIÊN TẬP**

**NGƯỜI THẨM ĐỊNH,
NHẬN XÉT**

Phạm Thị Việt

Vũ Thị Như Trang

Nguyễn Khánh Lâm

Nơi nhận:

- PGĐ Sở phụ trách;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: PBGDPL (PTV).